TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2024/QĐST-TCDS	*Ba Đồn, ngày 05 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và điểm d Điều 1.3, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-TCDS ngày 23 tháng 7 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1. Địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ1.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Việt H1 - Chuyên viên Phòng Q chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1. Địa chỉ: Số C, đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1970 và bà Đồng Thị Thu H2, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2 hiện còn nợ Ngân hàng TMCP Đ1 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/5597145/HĐTD ngày 20/12/2022, tính đến ngày 28/8/2024 với tổng số tiền 1.060.589.793 đồng *(Một tỷ không trăm sáu mươi triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng)*; trong đó: nợ gốc là 983.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 69.431.118 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.158.675 đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 28/8/2024 theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

2.2. Cam kết trả nợ: ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 theo phương án sau: từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025, trả nợ tối thiểu số tiền 20.000.000 đồng/tháng; từ tháng 10/2025 đến tháng 10/2027, trả nợ tối thiểu số tiền 30.000.000 đồng/tháng; thời gian trả chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng; tất toán khoản vay chậm nhất vào ngày 31/10/2027.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2 vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2 thanh toán ngay toàn bộ số nợ chưa trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, đồng thời yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/5597145/HĐBĐ ngày 07/12/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/5597145/HĐTC ngày 07/12/2020 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 24, có diện tích 784,2m^2 tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 912393, vào sổ cấp GCN số CH00123 do UBND huyện Q cấp ngày 12/12/2012 cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là được làm tròn số là 21.909.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu chín trăm linh chín nghìn đồng).* Các bên thỏa thuận ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2 chịu toàn bộ án phí. Ông Đ và bà H2 chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 21.571.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003393 ngày 19/7/2024.

2.5. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tài sản với số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*, đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Minh Đ và bà Đồng Thị Thu H2 chịu toàn bộ; do TMCP Đ1 đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* nên nay được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng).* Ông Nguyễn Minh Đ

và bà Đồng Thị Thu H2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 4.000.000 *(Bốn triệu đồng)* cho Ngân hàng TMCP Đ1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

PHAN ANH ĐỨC